



MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030



***PGS TS Bùi Tất Thắng
Thường trực Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội***

HÀ NỘI, 11. 2020



NỘI DUNG

- 1. Nhìn lại việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020**
- 2. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ sắp tới**
- 3. Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030**
- 4. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030**
- 5. Các đột phá chiến lược**
- 6. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030**
- 7. Vấn đề tập trung thảo luận**



I. Nhìn lại việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 – 2020 (1)

1. Kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, nhưng không đạt mục tiêu đề ra và có xu hướng giảm dần so với các kỳ chiến lược trước.

	Tốc độ tăng GDP (%)	GDP/người (USD)	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP (%)	Tốc độ tăng năng suất lđ/năm (%)
2011-2015	5,9	1.330 (2010)	33,6	4,3
2016-2019	6,8		41,1	5,8
2020	2,5		-	
2011-2020	5,9	2.750 (2020)	37,5	-

Theo WB và Cơ quan Thống kê của LHQ, tăng trưởng của Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2017 cao hơn mức bình quân của nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (5,4%) và các nước Đông Nam Á (5%). Nhưng giai đoạn 2011 – 2020, GDP tăng bình quân khoảng 5,9%/năm, thấp hơn mục tiêu Chiến lược là 7 - 8%/năm và thấp hơn so với hai giai đoạn trước (Chiến lược lần thứ nhất 1991 - 2000, tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,56%/năm; chiến lược lần thứ hai 2001 - 2010, tăng trưởng bình quân đạt 7,26%/năm). GDP bình quân đầu người năm 2020 tăng thêm khoảng 1.420 USD so với năm 2010, thấp hơn nhiều nước trong khu vực (Năm 2018 so với năm 2010, Xin-ga-po tăng thêm 11.837 USD, Hàn Quốc: 5.004 USD, Trung Quốc: 3.256 USD...).



I. Nhìn lại việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 – 2020 (2)

2. Việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được một số kết quả tích cực nhưng chậm, phương thức tăng trưởng thay đổi chưa rõ rệt. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Việc thực hiện 3 đột phá chiến lược (thể chế, nhân lực và hạ tầng) đã tập trung được nguồn lực, có nhiều kết quả tốt. Nhưng nhìn tổng thể vẫn còn chậm; nhiệm vụ tạo nên tảng để đến năm 2020 đưa VN cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt mục tiêu đề ra

4. Phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều thành tựu, nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém

5. Việc thực hiện các mục tiêu phát triển văn hoá, xã hội và con người có mặt tiến bộ nhưng còn bộc lộ nhiều hạn chế

6. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được chú trọng hơn; nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu

7. Lĩnh vực quản lý nhà nước, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí có chuyển biến rõ rệt, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm

8. Công tác kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng chặt chẽ, có hiệu quả hơn.



II. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ sắp tới (1)

1. Bối cảnh quốc tế

- Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo.
- Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu.
- Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.
- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.
- Xu thế đô thị hoá và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng.
- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu.
- Tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển.



II. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ sắp tới (2)

2. Bối cảnh trong nước

- Sau gần 35 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều.
- Khát vọng vì một Việt Nam thịnh vượng, ý chí tự lực, tự cường là sức mạnh nội sinh cho đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.
- Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu còn lớn
- Quá trình đô thị hoá tiếp tục diễn ra nhanh, tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường.
- Đại dịch Covid-19 có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực, kéo dài đến những năm đầu của kỳ Chiến lược; yêu cầu đặt ra không chỉ hóa giải các nguy cơ, vượt qua khó khăn, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước vận hội mới, thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch.



III. Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030

1. Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số.
2. Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước.
3. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng, phát triển đất nước.
4. Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế.
5. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.



IV. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 (1)

1. Mục tiêu tổng quát

CL 2021-2030	CL 2011-2020	CL 2001-2010
Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.	Đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.	Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Theo UNIDO: *Nước công nghiệp* (nước công nghiệp mới nổi) có tiêu chí: Giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo (CNCBCT) bình quân đầu người từ 1.000 - 2.500 USD hoặc giá trị CNCBCT chiếm trên 0,5% tổng giá trị CNCBCT toàn cầu. *Nước công nghiệp phát triển* (nước đã công nghiệp hoá) có giá trị gia tăng CNCBCT bình quân đầu người trên 2.500 USD hoặc GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương trên 20.000 USD. Trong khu vực ASEAN, nước công nghiệp phát triển có Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po, nước công nghiệp có In-đô-nê-xi-a và Thái Lan. Giá trị gia tăng CNCBCT bình quân đầu người của Việt Nam ước đến năm 2020 ở mức khoảng 900 USD, dự kiến đến năm 2030 có thể đạt trên 2.000 USD, đã trở thành nước công nghiệp (trong khoảng 1.000 - 2.500 USD).

- Theo phân loại của Ngân hàng Thế giới áp dụng cho năm tài chính 2020-2021, nhóm nước thu nhập **trung bình cao** có thu nhập bình quân đầu người từ 4.046 - 12.535 USD. Ngưỡng thu nhập trung bình cao trong 10 năm qua dao động trong khoảng từ 3.856 - 4.126 USD, năm 2010 là 3.856 USD, năm 2015 là 4.126 USD, năm 2020 là 3.996 USD, năm 2021 là 4.046 USD.



IV. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 (2)

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD/người. (5 năm 2021-2025: 6,5-7%/năm; GDP/người năm 2025: 4.700-5.000 USD)
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP.
- Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 50%. (Năm 2025: 45%)
- Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 6,5%/năm.
- Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm.

(Theo đánh giá lại quy mô nền kinh tế của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2019 là 332 tỉ USD, GDP bình quân đầu người là 3.442 USD/người, năm 2020 dự kiến đạt khoảng 340 tỉ USD (7,99 triệu tỷ đồng) và GDP bình quân đầu người khoảng 3.490 USD. Các chỉ tiêu kinh tế tính toán cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 căn cứ vào số liệu đã được đánh giá lại.)



IV. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 (3)

2. Các chỉ tiêu chủ yếu (tiếp)

b) Về xã hội

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,7.
- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe đạt tối thiểu 68 tuổi.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.
- Lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp giảm xuống dưới 20% trong tổng lao động nền kinh tế.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%.
- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%.
- Giảm ít nhất 8% lượng phát thải khí nhà kính.
- 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.
- Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. So với kịch bản phát triển thông thường (kịch bản không có hành động chủ đích để giảm nhẹ phát thải).



V. Các đột phá chiến lược

1. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ.
2. Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam.
3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.



VI. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 (1)

1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội
2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế
3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế
4. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô
5. Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới



VI. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 (2)

6. Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân
7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
8. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia
9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế
10. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính



VII. Vấn đề tập trung thảo luận

Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội mong muốn nhận được nhiều hơn những ý kiến đóng góp về:

- Cần lưu ý đặc biệt gì trong đánh giá tình hình, nhất là về các hạn chế và nguyên nhân hạn chế?
- Cần chú ý những vấn đề gì khi xác định bối cảnh quốc tế và trong nước thời kỳ đến 2025 và 2030?
- Về các quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030
- Về nội dung và cách thể hiện các đột phá chiến lược
- Cần lưu ý đặc biệt gì về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế
 - xã hội 10 năm 2021 – 2030